

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 4615/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Cao Thị Hiền Lữ

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Đặng Thị Thanh Tâm
- Bà Đỗ Thị Thu Hiền

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 620/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7242/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Kiều T, sinh năm 1986

Căn cước công dân số: 079186023373 cấp ngày 10/7/2021

HKTT: số nhà H, Tổ D, Khu phố E, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Căn hộ B01 chung cư Bộ C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Công S, sinh năm 1984

Căn cước công dân số: 079084015464 cấp ngày 15/4/2024

Địa chỉ: số nhà C Đường I, Khu phố D, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2024 và lời trình bày của bà Nguyễn Kiều T:

Bà và ông Nguyễn Công S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/11/2007. Quá trình sống chung thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không đồng nhất quan điểm trong công việc, trong sinh hoạt nhưng cả hai cùng cố gắng hòa giải dàn xếp. Năm 2023 ông S có nhiều thay đổi về tính khí, về suy nghĩ, ông thường nghi ngờ bà ngoại tình và tưởng tượng ra những tình huống không có thật. Từ đó có thái độ xử sự không phù hợp, dễ tức giận và bạo hành làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của bà và các con. Bà lo sợ thiệt hại đến tính mạng nên đã đưa các con trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Đến nay bà và các con rất sợ phải gặp gỡ, đối diện với ông S nên không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Nguyễn Công S.

Con chung: có hai con chung Nguyễn L, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Ngọc Quỳnh L1, sinh ngày 11/10/2012, bà yêu cầu trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Công S trình bày:

Về thời gian kết hôn đúng như bà T trình bày. Theo ông cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, thỉnh thoảng xảy ra những bất hòa do bản thân ông cũng có những thiếu sót vì không quan tâm chia sẻ nhiều đến công việc gia đình với vợ. Tuy nhiên những bất hòa đó là chuyện bình thường, không phải là mâu thuẫn không giải quyết được. Đến năm 2023 ông phát hiện bà T thiếu chung thủy, thường xuyên bỏ nhà đi sống với người khác, bỏ bê gia đình. Do mất bình tĩnh và tức giận nên ông có những thái độ và lời nói không phù hợp, có vài lần xảy ra xô xát. Từ đó bà T và các con sống riêng, mặc dù ông đã cố gắng liên lạc gặp gỡ tìm cách hàn gắn nhưng bà T từ chối. Ông vẫn còn tình cảm yêu thương bà T nên không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: có hai con chung đúng như bà T trình bày, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Kiều T giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Công S, ông S không đồng ý ly hôn bà T. Bà T và ông S cùng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Kiều T được ly hôn ông Nguyễn Công S. Giao hai con chung Nguyễn L, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Ngọc Quỳnh L1, sinh ngày 11/10/2012 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông S cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Kiều T và ông Nguyễn Công S có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 049/2007 ngày 11/10/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S là hợp pháp. Đến nay bà T yêu cầu ly hôn vì ông S nghi ngờ bà ngoại tình và có thái độ xử sự không phù hợp. Ông S không đồng ý ly hôn với bà T vì vẫn còn tình cảm yêu thương bà T và vì tương lai của các con.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S đã xảy ra những mâu thuẫn căng thẳng do ông S có những hành động làm cho bà T lo sợ. Ông S mong muốn đoàn tụ nhưng lại có lời lẽ không phù hợp, không tạo được niềm tin đối với bà T. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà T, ông S phù hợp với bản sao Giấy khai sinh số 748/2023/GKS-BS ngày 13/12/2023 và bản sao Giấy khai sinh số 747/2023/GKS-BS ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, đủ căn cứ xác định bà T và ông S có hai người con chung, Nguyễn L, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Ngọc Quỳnh L1, sinh ngày 11/10/2012. Bà T và ông S cùng có yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Xét, căn cứ yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng của các con được sống chung với mẹ, hiện tại các con đang sống chung với bà T ổn định nên cần

giao hai con cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để bảo đảm quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa ông S xác định đây là nghĩa vụ nên tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông S là phù hợp, đảm bảo việc nuôi dưỡng, học tập của các con trong điều kiện hiện nay nên Hội đồng xét xử công nhận.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: ông S khai có nợ nhưng không được bà T thừa nhận. Ngoài lời khai ông S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có nợ chung nên không có cơ sở để xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà T phải chịu án phí ly hôn, ông S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Kiều T;

Bà Nguyễn Kiều T được ly hôn ông Nguyễn Công S.

2. Con chung: Giao hai con Nguyễn L, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Ngọc Quỳnh L1, sinh ngày 11/10/2012 cho bà Nguyễn Kiều T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Công S tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Công S được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

Trường hợp bà Nguyễn Kiều T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Công S không thi hành án cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí:

Bà Nguyễn Kiều T phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0025520 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, biên lai thu trên dịch vụ công số 2420210301096696 ngày 22/3/2024 (đã nộp đủ).

Ông Nguyễn Công S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

**Nơi nhận:**

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND TP . Thủ Đức;
- CCTHADS TP . Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND phường A...;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Cao Thị Hiền Lũy**